

Số: /BC-KL

Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định danh sách, số lượng và dự toán hỗ trợ trồng cây phân tán (đợt 2) của năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh; số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về quy định về các biện pháp lâm sinh; số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Văn bản số 04/VBHN-BNNPTNT ngày 04/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang: số 1605/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 về việc Phê duyệt dự án Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang; số 1530/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc công bố giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của một số loài cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc ủy quyền quyết định một số nội dung thuộc lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ công văn số 839/SNN-QLXDCT ngày 11/5/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao nhiệm vụ và ủy quyền thẩm định công trình lâm sinh;

Ngày 29/02/2024 Chi cục Kiểm lâm nhận được Tờ trình số 06/TTr-BCĐ của Ban Chỉ đạo thực hiện dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang về việc đề nghị phê duyệt danh sách, số lượng và dự toán hỗ trợ trồng cây phân tán (đợt 2) của năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Sau khi thẩm định, Chi cục Kiểm lâm báo cáo kết quả thẩm định danh sách, số lượng và dự toán hỗ trợ trồng cây phân tán (đợt 2) của năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

I. TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Tên công trình, chủ đầu tư

1.1. Tên công trình: Hỗ trợ trồng cây phân tán (đợt 2) của năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

1.2. Chủ đầu tư: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bắc Giang.

2. Địa điểm xây dựng

Trên địa bàn 59 xã, thị trấn thuộc 07 huyện, thị xã: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Hiệp Hòa, Tân Yên, thị xã Việt Yên và một số tổ chức đoàn thể như: Đoàn thanh niên, Bảo hiểm xã hội, Hội phụ nữ, cơ sở chăm sóc người tâm thần, hạt quản lý đê điều trực thuộc các Sở, ban, ngành của tỉnh Bắc Giang.

3. Mục Tiêu

Góp phần hoàn thành chỉ tiêu trồng mới 6,4 triệu cây phân tán trong năm 2024 theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc triển khai thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 – 2025 được điều chỉnh tại văn bản số 266/KH-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh.

4. Nội dung và qui mô

4.1 Nội dung

a) *Loại cây trồng:* Keo tai tượng (*sản xuất từ hạt nhập nội*); Keo lai các dòng BV10, BV16, BV33, AH1, MA1 (*sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy*

mô); Bạch đàn lai các dòng U6, DH32-29, UP (*sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô*); Keo lá tràm dòng AA9 (*sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô*); Keo lai dòng AH1 (*sản xuất bằng phương pháp dâm hom*).

b) *Phương thức trồng*: Trồng phân tán.

c) *Tiêu chuẩn cây con đem trồng*:

+ Cây Keo tai tượng (*sản xuất từ hạt nhập nội*) có quy cách bầu tối thiểu 6,0 x10 cm; cây con từ 3 đến 5 tháng; chiều cao vút ngọn từ 25,0 đến 35,0 cm; đường kính cổ rễ từ 0,3 cm đến 0,4 cm; số lần đảo bầu tối thiểu từ 2 lần trở lên; Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe và không có biểu hiện bị sâu bệnh. Số lượng: 10.000 cây;

+ Cây Keo lai các dòng: BV10, BV16, BV33, AH1, MA1 (*sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô*) có quy cách bầu tối thiểu 6,0 x10 cm; cây con từ 2 đến 5 tháng; chiều cao vút ngọn từ 25,0 đến 35,0 cm; đường kính cổ rễ từ 0,3 cm đến 0,4 cm; số lần đảo bầu tối thiểu từ 2 lần trở lên; cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe và không có biểu hiện bị sâu bệnh, có từ 10 đến 15 lá. Số lượng: 678.450 cây;

+ Bạch đàn lai các dòng: U6, DH 32-29, UP (*sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô*) có quy cách bầu tối thiểu 6,0 x10 cm; cây con từ 2 đến 4 tháng; chiều cao vút ngọn từ 20,0 đến 35,0 cm; đường kính cổ rễ từ 0,3 cm đến 0,4 cm; số lần đảo bầu tối thiểu từ 2 lần trở lên; cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe và không có biểu hiện bị sâu bệnh, có từ 14 đến 16 lá. Số lượng: 477.900 cây;

+ Cây Keo lá tràm dòng AA9 (*sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô*) có quy cách bầu tối thiểu 7,0 x10 cm; cây con từ 3 đến 4 tháng; chiều cao vút ngọn từ 25,0 đến 35,0 cm; đường kính cổ rễ từ 0,3 cm đến 0,4 cm; số lần đảo bầu tối thiểu từ 2 lần trở lên; cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe và không có biểu hiện bị sâu bệnh. Số lượng: 300 cây;

+ Cây Keo lai các dòng: AH1 (*sản xuất bằng phương pháp dâm hom*) có quy cách bầu tối thiểu 6,0 x10 cm; cây con từ 2 đến 4 tháng; chiều cao vút ngọn từ 25,0 đến 35,0 cm; đường kính cổ rễ từ 0,3 cm đến 0,4 cm; số lần đảo bầu tối thiểu từ 2 lần trở lên; cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe và không có biểu hiện bị sâu bệnh, có từ 10 đến 15 lá. số lượng: 15.000 cây;

4.2 Quy mô

Hỗ trợ trồng cây phân tán đợt 2 của năm 2024 trên địa bàn 169 thôn, tiểu khu của 59 xã, thị trấn thuộc 07 huyện, thị xã: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Hiệp Hòa, Tân Yên, thị xã Việt Yên và một số tổ chức đoàn thể như: Đoàn thanh niên, Bảo hiểm xã hội, Hội phụ nữ, cơ sở chăm sóc người tâm thần, hạt quản lý đề điều trực thuộc các Sở, ban ngành của tỉnh Bắc Giang với tổng số 1.143 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia. Tổng số cây hỗ trợ là **1.181.650** cây, chi tiết theo biểu sau:

TT	Huyện	Số Thôn,(TK)	Số Xã, thị trấn	Số tổ chức hộ gia đình, cá nhân	Số cây hỗ trợ (cây)
I	UBND các huyện, thị xã	169	59	1.138	982.050
1	Sơn Động	28	8	669	374.250
2	Lục Ngạn	21	10	107	258.300
3	Lục Nam	43	16	131	110.250
4	Yên Thế	12	4	50	22.950
5	Hiệp Hòa	5	3	17	13.850
6	Tân Yên	48	13	127	99.300
7	Thị xã Việt Yên	12	5	37	103.150
II. Các cơ quan, đơn vị		-	-	5	199.600
1	Tinh đoàn Bắc Giang			1	191.000
2	Hội phụ nữ tỉnh			1	7.000
3	Sở LĐTB&XH (Cơ sở chăm sóc người tâm thần)			1	1.000
4	Bảo hiểm xã hội thị xã Việt Yên			1	450
5	Hạt quả lý đề điều Yên Dũng			1	150
Tổng cộng		169	59	1.143	1.181.650

(Kèm theo danh sách và dự toán của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân)

5. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

Trồng cây phân tán được triển khai thực hiện trên trồng ven đường phố, trồng trong công viên, vườn hoa, quảng trường, khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, các công trình tín ngưỡng, khu văn hóa lịch sử, tôn giáo và các công trình công cộng khác, khu cụm công nghiệp; trên đất vườn, ven đường, bờ vùng, bờ đồng, các diện tích đất nhỏ lẻ khác có diện tích dưới 3.000 m²...

6. Dự toán: Tổng dự toán: 4.309.450.000 đồng (Bốn tỷ, ba trăm linh chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó:

a) Chi phí xây dựng: Chi phí mua cây giống là: 4.291.465.000 đồng (Bốn tỷ, hai trăm chín mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi năm nghìn đồng).

Chi tiết các huyện theo biểu 01 đính kèm.

b) Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu 0,281% là 13.265.000 đồng (*Mười ba triệu, hai trăm sáu mươi năm nghìn đồng*).

c) Chi phí thẩm định mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu 0,1% là : 4.720.000 đồng (*Bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

7. Thời gian và tiến độ thực hiện: Năm 2024

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

1. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của vùng, của địa phương.

2. Đánh giá tính xác thực về hiện trạng của đối tượng thiết kế

Đối tượng đất đưa vào trồng cây phân tán phù hợp với địa điểm trồng theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” và Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc triển khai thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 – 2025 cụ thể: Trồng trên các diện tích ở ven đường, trong công viên, vườn hoa, quảng trường, khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, các công trình tín ngưỡng, khu văn hóa lịch sử, tôn giáo và các công trình công cộng khác, khu cụm công nghiệp; trên đất vườn, ven đường, bờ vùng, bờ đồng, các diện tích đất nhỏ lẻ khác có quy mô dưới 0,3 ha và có chủ quản lý cụ thể, rõ ràng.

3. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế

Các giải pháp thiết kế kỹ thuật trồng cây phân tán được xây dựng dựa trên cơ sở các biện pháp lâm sinh đối với trồng rừng sản xuất quy định tại Khoản 2, Điều 11 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh.

Loài cây trồng gồm: Keo tai tượng, Keo lai và Keo lá tràm (sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô, hom), Bạch đàn lai (sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô) thuộc Danh mục các loài cây chủ yếu trồng rừng theo các vùng sinh thái lâm nghiệp (tại Quyết định số 4961/QĐ-BNN-TCLN ngày 17/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và phù hợp với điều kiện sinh thái tại địa phương.

4. Về chất lượng hồ sơ thiết kế, việc tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan

Cây giống khi xuất vườn đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật chuẩn và tiêu chuẩn cây con quy định tại Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc công bố giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của một số loài cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Đồng thời, phù

hợp các với Tiêu chuẩn quốc gia theo từng loài cây đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

5. Năng lực của đơn vị lập hồ sơ thiết kế, dự toán

6. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của công trình đến các khu di tích lịch sử, văn hóa hoặc tín ngưỡng của cộng đồng:

Góp phần mang lại nhiều giá trị về cảnh quan, môi trường, tài nguyên thực vật đa dạng và phong phú cho các khu di tích, khu danh nam thắng cảnh...vv.

7. Năng lực của đơn vị thực hiện công trình

Việc thực hiện trồng cây phân tán được triển khai trực tiếp tới các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân người địa phương với sự tham gia hỗ trợ về kỹ thuật trồng, chăm sóc của các cơ quan chuyên môn như: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm vật tư kỹ thuật nông nghiệp, Hạt Kiểm lâm, cán bộ khuyến lâm, các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng....vv.

8. Các vấn đề rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện làm ảnh hưởng đến kết quả đầu tư

- Các yếu tố khách quan: Điều kiện thời tiết bất lợi như: Khô hạn, sương muối, gió, bão, lũ lụt... có nguy cơ ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng;

- Các yếu tố chủ quan: Cháy rừng, phá hoại của gia súc như trâu, bò, ngựa, dê...vv có thể làm cây trồng bị cháy, bị gãy đổ dẫn tới chết.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN

1. Sự phù hợp của phương pháp xác định dự toán

Phương pháp xác định dự toán trồng cây phân tán được xây dựng theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh.

2. Khối lượng sử dụng để xác định dự toán

Khối lượng sử dụng để xác định dự toán chính là số lượng 1.181.650 cây giống các loại dùng để hỗ trợ cho các tổ chức hộ gia đình cá nhân trồng cây phân tán trong năm 2024. Cụ thể số cây phân theo loài như sau: Keo tai tượng (sản xuất từ hạt nhập nội) số lượng: 10.000 cây; Keo lai các dòng: BV10, BV16, BV33, AH1, MA1 (sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô) số lượng: 678.450 cây; Bạch đàn lai các dòng: U6, DH 32-29, UP (sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô số lượng: 477.900 cây; Keo lá tràm dòng AA9 (sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô) số lượng: 300 cây; Keo lai dòng AH1 (sản xuất bằng phương pháp dân hom) số lượng 15.000 cây.

3. Sự phù hợp của việc áp dụng định mức, đơn giá, chế độ chính sách để xác định chi phí

Việc áp dụng các định mức đơn giá, chế độ, chính sách để xác định chi phí dự toán cho trồng cây phân tán phù hợp với các văn bản hướng dẫn hiện hành. Cụ thể như sau:

- Xác định chi phí trực tiếp: Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc công bố giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của một số loài cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Chi phí khác bao gồm: Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu 0,281% được xác định theo Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; Chi phí thẩm định mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu 0,1 % được xác định theo Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

4. Xác định dự toán sau khi thực hiện thẩm định

Tổng dự toán sau thẩm định hỗ trợ kinh phí trồng cây phân tán (đợt 2) của năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là : **4.309.450.000 đồng**

Bằng chữ: (Bốn tỷ, ba trăm linh chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Khả năng huy động vốn

Nguồn vốn để triển khai trồng cây trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Dự án “Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang” đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 29/7/2021; được điều chỉnh tại Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

Phương thức thực hiện: Dự án hỗ trợ cây giống; tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nhận cây tự bỏ nhân công trồng chăm sóc, bảo vệ.

6. Kết quả thẩm định dự toán được tổng hợp như sau

6.1. Tổng dự toán: 4.309.450.000 đồng (*Bốn tỷ, ba trăm linh chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó:

a) Chi phí xây dựng: Chi phí mua cây giống là: 4.291.465.000 đồng (*Bốn tỷ, hai trăm chín mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi năm nghìn đồng*).

Chi tiết các huyện theo biểu 01 đính kèm.

b) Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu 0,281% là 13.265.000 đồng (*Mười ba triệu, hai trăm sáu mươi năm nghìn đồng*).

c) Chi phí thẩm định mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu 0,1% là : 4.720.000 đồng (*Bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

6.2. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương

6.3. Thời gian thực hiện và tiến độ giải ngân: Thực hiện và giải ngân hoàn thành trong năm 2024.

IV. KẾT LUẬN

1. Danh sách, số lượng và dự toán hỗ trợ trồng cây phân tán (đợt 2) của năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang do Ban Chỉ đạo thực hiện dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang xây dựng và trình, đủ điều kiện phê duyệt theo quy định hiện hành của hiện hành.

2. Trên cơ sở đề nghị của Ban Chỉ đạo thực hiện dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang; kết quả thẩm định của Chi cục Kiểm lâm, đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, phê duyệt danh sách, số lượng và dự toán hỗ trợ trồng cây phân tán (đợt 2) của năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang để Chi cục Kiểm lâm có cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, PGĐ Sở (ô. Quý);
- Lãnh đạo Chi cục;
- BCĐ dự án;
- Lưu: VT, SD&PTR, TC-HC.

CHI CỤC TRƯỞNG

Từ Quốc Huy

Biểu 01: Dự toán chi tiết chi phí mua cây giống phân theo các huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị
(Kèm theo báo cáo số /BC-KL ngày /02/2024 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bắc Giang)

TT	Huyện, thị xã và các cơ quan đơn vị	Số cây phân theo loài (cây)											Tổng số cây (cây)	Số tiền (đồng)
		Keo tai tượng (SX từ hạt nhập nội)	Keo lai dòng BV10 (mô)	Keo lai dòng BV16 (mô)	Keo lai dòng BV33 (mô)	Bạch đàn lai dòng U6 (mô)	Keo lá tràm dòng AA9 (mô)	Keo lai dòng AH1 (mô)	Keo lai dòng MA1 (mô)	Keo lai dòng AH1 (hom)	Bạch đàn lai dòng UP (mô)	Bạch đàn cự vĩ DH32-29(Mô)		
I	UBND các huyện, thị xã	-	83.950	-	-	31.400	300	501.500	2.650	-	-	362.250	982.050	3.594.370.000
1	Sơn Động		14.050			2.000		298.000				60.200	374.250	1.378.505.000
2	Lục Ngạn							200.900				57.400	258.300	949.970.000
3	Lục Nam		25.100			1.000						84.150	110.250	399.410.000
5	Yên Thế		9.450			1.500		300				11.700	22.950	83.595.000
6	Hiệp Hòa		13.350									500	13.850	51.195.000
7	Tân Yên		22.000									77.300	99.300	359.680.000
8	Thị xã Việt Yên					26.900	300	2.300	2.650			71.000	103.150	372.015.000
II.	Các cơ quan, đơn vị	10.000	27.150	38.100	25.100	-	-	-	-	15.000	5.500	78.750	199.600	697.095.000
1	Tinh đoàn Bắc Giang	10.000	27.000	38.100	25.100					15.000	5.500	70.300	191.000	666.120.000
2	Hội phụ nữ tỉnh											7.000	7.000	25.200.000

3	Sở LĐTB&XH (Cơ sở chăm sóc người tâm thần)											1.000	1.000	3.600.000
4	Bảo hiểm xã hội thị xã Việt Yên											450	450	1.620.000
5	Hạt quả lý đê điều Yên Dũng		150										150	555.000
Tổng Cộng		10.000	111.100	38.100	25.100	31.400	300	501.500	2.650	15.000	5.500	441.000	1.181.650	4.291.465.000